

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44 /TB-PTHADS(KV15)

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2014, 2018, 2020, 2022 và năm 2024);

Căn cứ Bản án hình sự sơ thẩm số 607/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án hình sự phúc thẩm số: 300/2023/HS-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Lệnh kê biên tài sản số: 1212-08 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định ủy thác xử lý tài sản số: 01/QĐ-CTHADS ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định xử lý tài sản ủy thác số: 01/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Thông báo số: 59 /TB-PTHADS(KV15) ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15, Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 219/2025/47/BĐS-BTh ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định giá tài sản số: 34/TB-THADS(KV15) ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Do đương sự không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá,

Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15, Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ: số 01 Nguyễn Huệ, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng, cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản thi hành án ông Nguyễn Thái Luyện và bà Võ Thị Thanh Mai như sau:

1. Tên tài sản, địa chỉ tài sản, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

1.1. Quyền sử dụng đất diện tích 100.164m², thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại thôn Suối Tứ, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Bàu Giêng, xã Sơn Mỹ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận QSD đất số Đ098951 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 18/6/2004, cập nhật chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái Lĩnh vào ngày 13/6/2019, đã được Toà án tuyên xác định là tài sản của ông Nguyễn Thái Luyện và bà Võ Thị Thanh Mai.

Tài sản có giá thẩm định là: 73.219.884.000 đồng (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm mười chín triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 04: Trên đất trồng cây Keo Tràm trung bình khoảng 02 năm tuổi, mật độ cây trồng thưa thớt, cây phát triển không đồng đều.

Tài sản có giá thẩm định là: 51.400.000đồng (Năm mươi một triệu, bốn trăm ngàn đồng).

1.2. Quyền sử dụng đất diện tích 60.052m², thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại thôn Suối Tứ, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Bàu Giêng, xã Sơn Mỹ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận QSD đất số X353212 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 06/6/2003, cập nhật chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái Lĩnh vào ngày 13/6/2019, đã được Toà án tuyên xác định là tài sản của ông Nguyễn Thái Luyện và bà Võ Thị Thanh Mai.

Tài sản có giá thẩm định là: 53.986.748.000đồng (Năm mươi ba tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 09:

+ Trên đất trồng cây Keo Tràm trung bình khoảng 02 năm tuổi, mật độ cây trồng thưa thớt, cây phát triển không đồng đều.

Tài sản có giá thẩm định là: 64.250.000đồng (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ 01 Mái che khung sắt tiền chế có diện tích 4,3m x 6m = 25,8m²

+ 01 Nhà trệt có kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch bông, diện tích 4,3m x 11,9m = 51,17m²

+ 01 Hồ chứa nước xây bằng gạch, trên có nắp, diện tích 2,4m x 2,4m = 5,76 m².

+ 01 Nhà trệt có kết cấu đá chẻ, tường xây gạch, nền xi măng, không có mái, không có cửa. Diện tích 3,9m x 41m = 15,99m².

+ 01 Nhà vệ sinh có diện tích 2,5m x 2m = 5m².

Tài sản có giá thẩm định là: 97.600.220đồng (Chín mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn, hai trăm hai mươi đồng).

1.3. Quyền sử dụng đất diện tích 42.260m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại thôn Suối Tứ, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Bàu Giêng, xã Sơn Mỹ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận QSD đất số X353210 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 06/6/2003, cập nhật chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái Lĩnh vào ngày 13/6/2019, đã được Toà án tuyên xác định là tài sản của ông Nguyễn Thái Luyện và bà Võ Thị Thanh Mai.

Tài sản có giá thẩm định là: 32.455.680.000đồng (Ba mươi hai tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 10: Trên đất trồng cây Keo Tràm trung bình khoảng 02 năm tuổi, mật độ cây trồng thưa thớt, cây phát triển không đồng đều.

Tài sản có giá thẩm định là: 38.550.000đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng).

1.4. Quyền sử dụng đất diện tích 17.430m² thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại thôn Suối Tứ, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Bàu Giêng, xã Sơn Mỹ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X353211 do UBND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cũ cấp ngày 06/6/2003, đứng tên chủ sở hữu cuối là ông Nguyễn Thái Lĩnh ngày 13/6/2019, đã được Toà án tuyên xác định là tài sản của ông Nguyễn Thái Luyện và bà Võ Thị Thanh Mai. (Diện tích thửa đất này sau khi được đo đạc trên thực tế theo bản đồ hiện trạng vị trí khu đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực Hàm Tân duyệt ngày 09/9/2025 có diện tích 17.729,7m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ độc lập, giấy chứng nhận số X353211).

Tài sản có giá thẩm định là: 3.279.994.500đồng (Ba tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi bốn ngàn, năm trăm đồng).

- Tài sản trên thửa đất số 02: Trên đất trồng cây Keo Tràm trung bình khoảng 02 năm tuổi, mật độ cây trồng thưa thớt, cây phát triển không đồng đều.

Tài sản có giá thẩm định là: 25.700.000đồng (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm ngàn đồng).

1.5. Quyền sử dụng đất diện tích 33.380m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại thôn Suối Tứ, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Bàu Giêng, xã Sơn Mỹ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X353211 do UBND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cũ cấp ngày 06/6/2003, đứng tên chủ sở hữu cuối là ông Nguyễn Thái Lĩnh ngày 13/6/2019, đã được Toà án tuyên xác định là tài sản của ông Nguyễn Thái Luyện và bà Võ Thị Thanh Mai. (Diện tích thửa đất này sau khi được đo đạc trên thực tế theo bản đồ hiện trạng vị trí khu đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực Hàm Tân duyệt ngày 09/9/2025 có diện tích 33.379,6m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ độc lập, giấy chứng nhận số X353211).

Tài sản có giá thẩm định là: 5.707.911.600đồng (Năm tỷ, bảy trăm không bảy triệu, chín trăm mười một ngàn, sáu trăm đồng).

- Tài sản trên thửa đất số 05: Trên đất trồng cây Keo Tràm trung bình khoảng 02 năm tuổi, mật độ cây trồng thưa thớt, cây phát triển không đồng đều.

Tài sản có giá thẩm định là: 77.100.000đồng (Bảy mươi bảy triệu, một trăm ngàn đồng).

1.6. Quyền sử dụng đất diện tích 57.816m² thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ độc lập, tọa lạc tại thôn Suối Tứ, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Bàu Giêng, xã Sơn Mỹ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X353213 do UBND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cũ cấp ngày 06/6/2003, đứng tên chủ sở hữu cuối là ông Nguyễn Thái Lĩnh ngày 13/6/2019, đã được Toà án tuyên xác định là tài sản của ông Nguyễn Thái Luyện và bà Võ Thị Thanh Mai. (Diện tích thửa đất này sau khi được đo đạc trên thực tế theo bản đồ hiện trạng vị trí khu đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực Hàm Tân duyệt ngày 09/9/2025 có diện tích 57.368,9m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ độc lập, giấy chứng nhận số X353213).

Tài sản có giá thẩm định là: 16.866.456.600đồng (Mười sáu tỷ, tám trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng).

- Tài sản trên thửa đất số 06: Trên đất trồng cây Keo Tràm trung bình khoảng 02 năm tuổi, mật độ cây trồng thưa thớt, cây phát triển không đồng đều.

Tài sản có giá thẩm định là: 128.500.000đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản đã kê biên, thẩm định giá làm tròn số tiền là: **185.999.775.000đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).**

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức tổ chức đấu giá tài sản:

Các Tổ chức Đấu giá tham gia tổ chức đấu giá phải hội đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, gồm các tiêu chí sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI
----	----------	---------

		ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0

3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.	3,0



	Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0

7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản	4,0

	đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0
Tổng số điểm		100

3. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ đấu giá;
- Hồ sơ năng lực và bảng chấm điểm của tổ chức bán đấu giá tài sản theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp;
- Giấy phép đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác có liên quan, phương án đấu giá tài sản, bảng chi tiết tính tạm thời thù lao dịch vụ bán đấu giá và chi phí khác trong việc tổ chức bán đấu giá tài sản;
- Danh mục tài liệu được đánh số thứ tự từ 01 đến hết;
- Biên nhận hồ sơ (2 liên)

4. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản.

5. Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ (hoặc qua đường bưu điện) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ: số 01 Nguyễn Huệ, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng.

Số điện thoại liên hệ: 0941.294.113 (Chấp hành viên Khương).

Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Lâm đồng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản đáp ứng yêu cầu được biết và nộp hồ sơ đăng ký theo quy định.

Lưu ý:

- Hồ sơ năng lực phải được sắp xếp theo đúng trình tự của Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm (Phụ lục I) ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp, được đánh số thứ tự từ 01 đến hết và kèm theo bảng danh mục tài liệu.

- Đối với các tiêu chí không có trong tài liệu hoặc hình ảnh chứng minh thì sẽ không chấm điểm.

- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với tổ chức bán đấu giá không được lựa chọn./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT quốc gia về DGTS;
- Công TTĐT của Cục QLTHADS;
- Trang TTĐT của THADS Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Viện KSND khu vực 15 – Lâm Đồng;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA (Alibaba).



CHẤP HÀNH VIÊN

Phạm Minh Khương